

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2025/DS-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Thật; ông Huỳnh Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Kim T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Dương Thị Đạt T1, sinh năm 1974; Địa chỉ: số A, đường P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản uỷ quyền lập ngày 13/01/2025). (có mặt)

- Bị đơn: Bà Huỳnh Ngọc Yến V, sinh năm 2003;

Địa chỉ: Số G, tổ C, đường L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Dương Thị Đạt T1 trình bày:

Vào khoảng tháng 02/2023, bà Tạ Thị Kim T có tham gia chơi hụi do bà Huỳnh Ngọc Yến V làm chủ hụi, bà T tham gia 02 phần hụi 5.000.000 đồng, bà T đã góp được 09 lần mỗi phần hụi, tổng cộng 02 phần hụi bà T đã góp cho bà V được 90.000.000 đồng.

Sau đó hụi của bà V bị vỡ hụi, bà V có làm biên nhận nợ với bà T ngày 13/10/2024 với số tiền nợ là 90.000.000 đồng, hẹn mỗi tháng trả cho bà T 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay bà V vẫn không thực hiện việc thanh toán tiền hụi cho bà T.

Nay, bà T khởi kiện yêu cầu bà V trả cho bà T số tiền 90.000.000 đồng vốn và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày làm biên nhận nợ (ngày 13/10/2024) đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà Huỳnh Ngọc Yến V: vắng mặt trong quá trình tố tụng, không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi là 90.000.000 đồng; tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày làm biên nhận nợ (ngày 13/10/2024) đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà V vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 117, 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Tạ Thị Kim T đối với bà Huỳnh Ngọc Yến V về việc trả số tiền nợ hụi 90.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày làm biên nhận nợ (ngày 13/10/2024) đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Tạ Thị Kim T khởi kiện bà Huỳnh Ngọc Yến V. Bà V có nơi cư trú tại số G, tổ C, đường L, khóm B, phường M, thành

phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền góp hụi còn nợ. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng góp hụi được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn bà V đã được Tòa án triệu tập họp lệ thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác đúng quy định tại địa chỉ mà nguyên đơn ghi trong đơn khởi kiện. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không rõ lý do, điều này cho thấy bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Đồng thời, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ làm cơ sở giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Ngọc Yến V có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hụi 90.000.000 đồng. Theo tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì dây hụi do bị đơn mở vào ngày 22/02/2023, hụi 5.000.000 đồng và có 21 phần, nguyên đơn tham gia 02 phần và đóng hụi được 09 lần thì bị đơn bị vỡ hụi, tổng số tiền đóng hụi từng lần nguyên đơn không nhớ bao nhiêu nhưng tính hụi sống là 90.000.000 đồng. Đến ngày 13/10/2024, bị đơn có lập “Giấy nợ hụi” ghi nhận có nợ bà Tạ Thị Kim T số tiền 90.000.000 đồng, hứa trả mỗi tháng 3.000.000 đồng (bút lục số 34). Theo bản tự khai do bà Bùi Thị Hoàng D cung cấp đề ngày 23/02/2025, xác nhận “vào khoảng tháng 02/2023 tôi có vỡ hụi của cô V, dây hụi này gồm 12 hụi viên, cô V tạo nhóm hụi trên Facbook do V làm trưởng nhóm, bà Tạ Thị Kim T cũng là một trong 12 hụi viên” (bút lục số 25). Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch dân sự dưới hình thức hợp đồng góp hụi do bà V làm chủ hụi đối với dây hụi mở ngày 22/02/2023, hụi 5.000.000 đồng/tháng, nguyên đơn tham gia 02 phần hụi, đồng thời bị đơn có lập biên nhận nợ hụi ngày 13/10/2024 thừa nhận có nợ tiền hụi của bà Tạ Thị Kim T số tiền 90.000.000 đồng, hứa trả mỗi tháng 3.000.000 đồng. Là phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Bùi Thị Hoàng D cung cấp đề ngày 23/02/2025, bà D được mẹ của V là bà Nguyễn Thị Minh T2 đứng ra trả mỗi tháng 3.000.000 đồng và trả được 06 lần.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ về tranh chấp giữa các bên, không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập bị đơn để lấy lời khai về “Biên nhận nợ hụi” tuy nhiên bị đơn vắng mặt, đồng thời cũng không có ý kiến phản hồi đối với các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp theo Thông báo kết quả phiên họp số 132/TB-TA, ngày 19/3/2025 của Tòa án đã gửi cho bị đơn. Việc bị đơn lập biên nhận nợ hụi nhưng không thanh toán số tiền hụi còn nợ cho nguyên đơn đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 117, 471 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015 và Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, họ, biểu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ hộ là 90.000.000 đồng, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[2.3] Đối với vấn đề lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện xin rút lại yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ hộ. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi phát sinh theo quy định tại Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp. Bà V phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều Điều 117 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015

Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biểu, phường;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Kim T đối với bà Huỳnh Ngọc Yến V về hợp đồng góp hộ.

Buộc bà Huỳnh Ngọc Yến V có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị Kim T số tiền nợ hộ 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Kim T đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hộ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Ngọc Yên V phải chịu án phí 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Tạ Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002108 ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết K